TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Từ bi, trí tuệ và trách nhiệm khi Phật giáo tham gia các vấn đề chính sách xã hội

ISSN: 2734-9195 10:10 03/11/2026

Phật giáo không chỉ đóng góp tích cực cho đời sống xã hội mà còn bảo vệ được tính độc lập, sự trong sáng và giá trị bền vững của chính giáo pháp.

Trong đời sống hiện đại, Phật giáo không đứng ngoài những vấn đề xã hội liên quan tới con người, sự sống, sức khỏe, môi trường và các chính sách công. Việc các chức sắc, tổ chức Phật giáo và những người nghiên cứu Phật học tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về các vấn đề đó là điều chính đáng, đồng thời thể hiện trách nhiệm của một tôn giáo gắn bó với đời sống cộng đồng.

Tuy nhiên, khi tiếng nói Phật giáo tham gia vào những vấn đề đang được xã hội tranh luận, đặc biệt là các dự thảo chính sách và pháp luật, một yêu cầu quan trọng cần được đặt ra: phải phân biệt rõ đâu là giáo lý Phật giáo, đâu là quan điểm cá nhân, đâu là lập luận chính sách và đâu là quy định pháp luật. Nếu không giữ được ranh giới này, những giá trị đạo đức vốn có ý nghĩa phổ quát của Phật giáo có thể bị diễn giải vượt quá phạm vi của chúng, thậm chí vô tình tạo ra áp lực đạo đức đối với những người có quan điểm khác biệt.

Câu chuyện hiến mô, tạng và hiến xác đang được thảo luận trong quá trình sửa đổi pháp luật là một trường hợp đáng suy ngẫm.

Từ thiện nguyện tới vấn đề chính sách: Không thể đồng nhất hai phạm trù

Hiến mô, tạng để cứu chữa người bệnh là một nghĩa cử nhân đạo đáng trân trọng. Dưới góc nhìn Phật giáo, hành động tự nguyện chia sẻ để giúp người khác giảm bớt khổ đau có thể được liên hệ với tinh thần từ bi và bố thí.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Tuy nhiên, cần phân biệt giữa giá trị đạo đức của một hành động và tính phù hợp của những quy định pháp luật điều chỉnh hành động đó.

Một người có thể hoàn toàn ủng hộ việc hiến tạng tự nguyện nhưng vẫn có những băn khoăn về độ tuổi, điều kiện đăng ký, sự đồng thuận, quyền quyết định của người chưa thành niên, trách nhiệm của người đại diện và cơ chế bảo vệ người hiến.

Đây không phải là những quan điểm mâu thuẫn

Trong quá trình sửa đổi Luật Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác, một trong những nội dung nhận được sự quan tâm là việc mở rộng đối tượng dưới 18 tuổi được đăng ký hiến mô, bộ phận cơ thể người.

Theo giải thích của Bộ Y tế ngày 23/10/2026, dự thảo không nhằm khuyến khích hiến tặng ở trẻ em mà hướng tới thiết lập khung pháp lý cho những trường hợp phù hợp, đồng thời bảo đảm an toàn và quyền lợi của trẻ.

Đây là vấn đề cần được đánh giá trên nhiều phương diện: y khoa, pháp luật, tâm lý học, đạo đức sinh học và quyền trẻ em.

Do đó, việc đồng tình với mục đích cứu người không đồng nghĩa với việc phải đồng thuận toàn bộ các quy định của một dự thảo luật. Một chính sách có mục tiêu nhân đạo vẫn cần được xem xét về phạm vi áp dụng, điều kiện thực hiện, những nguy cơ có thể phát sinh và cơ chế bảo vệ các chủ thể liên quan.

Lòng từ bi có thể là nền tảng đạo đức cho hành động hiến tặng, nhưng không thể thay thế quá trình thẩm định chính sách.

Không sử dụng giáo lý để làm suy yếu quyền phản biện

Một vấn đề đáng lưu ý khi Phật giáo tham gia thảo luận chính sách là cách sử dụng các giá trị tôn giáo trong lập luận.

Từ bi, bố thí, vị tha và cứu khổ là những giá trị quan trọng trong Phật giáo. Tuy nhiên, việc vận dụng những giá trị này cần đặt trong đúng hoàn cảnh và phạm vi của chúng.

Chẳng hạn, bố thí là một thực hành thiện lành khi xuất phát từ sự tự nguyện và nhận thức đúng đắn. Nhưng không thể từ đó suy luận rằng mọi người đều phải hiến tặng thân thể, hoặc người không lựa chọn hiến tặng là thiếu lòng từ bi.

Tương tự, việc một người đặt câu hỏi về dự thảo luật, lo ngại nguy cơ ảnh hưởng tới quyền lợi của trẻ em hoặc yêu cầu làm rõ cơ chế bảo vệ người hiến không thể bị xem là hành vi phản đối tinh thần cứu khổ, cứu nạn.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Trên thực tế, những người có cùng mong muốn bảo vệ sự sống vẫn có thể có những cách nhìn khác nhau về phương thức thực hiện một chính sách.

Người quan tâm tới bệnh nhân chờ ghép tạng mong muốn mở rộng nguồn hiến. Người quan tâm tới trẻ em muốn bảo đảm rằng các em không bị đặt trước những quyết định vượt quá khả năng nhận thức hoặc chịu áp lực từ người lớn. Hai mối quan tâm này không nhất thiết đối lập nhau.

Đặc biệt, khi đối tượng được đề cập là trẻ em, nguyên tắc bảo vệ lợi ích tốt nhứt của trẻ cần được đặt ở vị trí trung tâm.

Phật giáo đề cao từ bi, nhưng từ bi không chỉ hướng tới người đang cần được cứu chữa. Từ bi còn phải được thể hiện trong việc bảo vệ người có nguy cơ bị tổn thương, lắng nghe những người đang lo lắng và tôn trọng phẩm giá, quyền lợi của từng cá nhân.

Vì vậy, không nên sử dụng một giá trị đạo đức để tạo ra sự đối lập giữa người ủng hộ và người phản biện, càng không nên khiến người có ý kiến khác biệt cảm thấy họ đang đứng ngoài những giá trị tốt đẹp của Phật giáo.

Phân biệt giáo lý Phật giáo với quan điểm cá nhân và kết luận khoa học

Những vấn đề liên quan tới hiến tạng sau khi chết còn đặt ra các câu hỏi về thần thức, cận tử nghiệp, tái sinh và vãng sinh.

Đây là những chủ đề có ý nghĩa trong đời sống tâm linh của nhiều Phật tử, đặc biệt là những người thực hành pháp môn Tịnh độ hoặc các truyền thống có quan niệm riêng về tiến trình lâm chung.

Tuy nhiên, cần tránh khái quát hóa quan điểm của một truyền thống thành quan điểm chung của toàn bộ Phật giáo.

Các truyền thống Phật giáo có thể có những cách giải thích khác nhau về thời điểm thần thức rời thân, việc hộ niệm và những điều kiện liên quan tới quá trình lâm chung. Một quan điểm được truyền thống giải thích không mặc nhiên trở thành quan điểm thống nhất của Phật giáo.

Tương tự, những câu chuyện về bố thí thân thể trong kinh điển và văn học Phật giáo cần được đặt trong bối cảnh giáo lý, văn bản và ý nghĩa tu tập của chúng. Không thể chỉ trích dẫn một tích truyện rồi xem đó là căn cứ trực tiếp để kết luận về tính phù hợp của một quy định pháp luật hiện đại.

Cần thận trọng khi vận dụng các tích truyện bố thí thân thể

Trong nghiên cứu Phật học, việc sử dụng các câu chuyện về Bồ tát bố thí thân thể cần được xem xét trên cơ sở văn bản học, lịch sử hình thành và đặc điểm của từng truyền thống kinh điển.

Nghiên cứu của Arthid Sheravanichkul (2008), Self-Sacrifice of the Bodhisatta in the Paññāsa Jātaka, đăng trên tạp chí Religion Compass, tập 2, số 5, trang 769-787, đã khảo sát mô típ bố thí thân thể và các bộ phận cơ thể của Bồ-tát trong Paññāsa Jātaka, đồng thời đối chiếu với Jātaka-aṭṭhakathā.

Paññāsa Jātaka là tập hợp 61 truyện tiền thân không thuộc hệ thống Jātaka chính điển Pāli. Qua đối chiếu, tác giả chỉ ra sự khác biệt đáng kể về tần suất xuất hiện mô-típ tự hiến thân giữa hai truyền thống văn bản: 7 trong 547 truyện thuộc Jātaka-aṭṭhakathā và 14 trong 61 truyện thuộc Paññāsa Jātaka.

Nghiên cứu cũng lưu ý rằng trong các bài kinh thuộc bốn bộ Nikāya đầu tiên, việc bố thí thân thể không xuất hiện trong những bài kinh trình bày về bố thí tạo phước; đồng thời, tác giả nhận xét một số quy định trong Vinaya có thái độ không khuyến khích hành vi tự hiến thân.

Những phát hiện này cho thấy mô típ bố thí thân thể có lịch sử hình thành và phát triển phức tạp trong các truyền thống văn học Phật giáo, không thể được giản lược thành một quan điểm đồng nhất, áp dụng cho mọi hoàn cảnh.

Một nghiên cứu khác của Toshiya Unebe (2012), Motive behind the Bodhisatta’s Self-sacrifice in the Pannasa-Jataka: With Special Reference to Parallel Episodes in Chinese and Sanskrit Sources, đăng trên Journal of Pali and Buddhist Studies, tập 26, trang 147-168, tiếp tục khảo sát động cơ tự hiến thân của Bồ-tát trong Paññāsa Jātaka, đối chiếu với các truyện tương đồng trong nguồn tư liệu Hán văn và Sanskrit.

Tác giả chỉ ra rằng trong một số truyện thuộc Paññāsa Jātaka, Bồ-tát tuyên bố việc tự hiến thân không nhằm đạt quả vị Thanh văn hay Độc giác mà hướng tới mục tiêu nhất thiết trí. Những tuyên bố và cách lý giải động cơ như vậy không phổ biến trong các Nikāya Pāli hoặc các bộ chú giải liên quan.

Các nghiên cứu này gợi mở một yêu cầu quan trọng: khi dẫn tích truyện Bồ-tát bố thí thân thể, cần xác định rõ nguồn văn bản, truyền thống lưu truyền, bối cảnh câu chuyện và ý nghĩa tu tập. Không thể lấy một câu chuyện thuộc một truyền thống văn học cụ thể rồi mặc nhiên xem đó là quan điểm chung của toàn bộ Phật giáo.

Đặc biệt, cần phân biệt giữa lý tưởng bố thí ba la mật trong văn học Bồ tát và những quy định đạo đức, y khoa, pháp lý về hiến mô, tạng trong xã hội hiện đại.

Bố thí thân thể trong một câu chuyện tiền thân không tự động trở thành căn cứ để xác lập tính phù hợp của một chính sách hiến tặng cơ thể người, nhứt là khi chính sách đó liên quan tới trẻ em và những người chưa có đầy đủ năng lực tự quyết.

Ở chiều ngược lại, khoa học y tế có thể xác định các tiêu chuẩn chẩn đoán tử vong, điều kiện lấy và ghép mô, tạng, khả năng nhận biết đau và những quy trình chuyên môn. Nhưng kết luận y khoa cũng không phải công cụ để xác quyết những vấn đề siêu hình như tái sinh hay vãng sinh.

Vì vậy, khi thảo luận về hiến tạng, cần phân định ít nhứt ba phạm vi:

- Giáo lý và quan điểm Phật giáo: giải thích trên cơ sở kinh điển, truyền thống và phương pháp nghiên cứu Phật học.

- Y khoa: xác định trên cơ sở bằng chứng khoa học, tiêu chuẩn chuyên môn và quy trình thực hành.

- Pháp luật: quy định quyền, nghĩa vụ, điều kiện, giới hạn và trách nhiệm của các chủ thể.

Ba phạm vi có thể đối thoại, bổ sung thông tin cho nhau, nhưng không thể tùy tiện thay thế nhau.

Một lời khẳng định thuộc phạm vi niềm tin không nên được trình bày như một kết luận khoa học. Một quan điểm cá nhân của chức sắc cũng không nên được mặc nhiên hiểu là quan điểm chính thức, thống nhất của Giáo hội.

Sự phân định này không làm giảm vai trò của Phật giáo. Ngược lại, nó thể hiện thái độ tôn trọng sự thật, chính kiến và trách nhiệm trong việc truyền bá giáo pháp.

Trách nhiệm của tiếng nói Phật giáo trong không gian công cộng

Ngày nay, các tổ chức và cơ quan truyền thông Phật giáo có vai trò ngày càng quan trọng trong việc cung cấp thông tin, giải thích giáo lý và tham gia thảo luận những vấn đề xã hội.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Điều đó đòi hỏi trách nhiệm cao hơn về tính chính xác và phương pháp diễn đạt.

Một phát biểu, một bài giảng có thể phản ánh cách giải thích giáo lý. Một văn bản chính thức của Giáo hội lại thuộc một phạm vi khác.

Nếu các kênh truyền thông không làm rõ những tư cách này, người đọc rất dễ đồng nhất quan điểm cá nhân với lập trường chính thức của Giáo hội, hoặc hiểu một cách diễn giải Phật học như sự xác nhận về tính đúng đắn của một chính sách.

Đây là nguy cơ cần được quan tâm

Truyền thông Phật giáo không chỉ có trách nhiệm lan tỏa những giá trị tích cực mà còn phải bảo đảm tính độc lập trong diễn giải, sự trung thực với nguồn tư liệu và thái độ tôn trọng những ý kiến khác biệt.

Một bài viết về chính sách cần cung cấp thông tin chính sách chính xác. Một bài viết về giáo lý cần có căn cứ kinh điển và phân biệt rõ quan điểm của từng truyền thống. Một bài bình luận cần thể hiện rõ đó là nhận định của tác giả, không phải kết luận có tính đại diện cho toàn bộ Phật giáo.

Đặc biệt, không nên sử dụng những khái niệm đạo đức như từ bi, vị tha, bố thí hay cứu khổ để tạo ra sức ép khiến công chúng khó phản biện một quan điểm chính sách.

Phật giáo có thể đóng góp tiếng nói đạo đức cho xã hội, nhưng tiếng nói đó cần được đặt trên nền tảng hiểu biết, sự công minh và trách nhiệm.

Bảo vệ sự trong sáng của Phật pháp bằng từ bi và trí tuệ

Tham gia các vấn đề xã hội là một biểu hiện của tinh thần nhập thế. Tuy nhiên, nhập thế không có nghĩa là đồng nhất Phật giáo với mọi quan điểm chính sách hoặc sử dụng giáo lý để hợp thức hóa những lập trường đã được lựa chọn từ trước.

Từ những vấn đề đặt ra trong câu chuyện hiến mô, tạng, có thể nhấn mạnh ba nguyên tắc cần được tôn trọng:

Thứ nhứt, không đồng nhất lòng từ bi với sự đồng thuận một dự thảo luật. Một chính sách có mục đích nhân đạo vẫn cần được thẩm định độc lập và phản biện trên cơ sở khoa học, pháp luật và quyền con người.

Thứ hai, không nên sử dụng giáo lý để làm suy yếu quyền phản biện chính đáng của người dân. Người có ý kiến khác biệt không vì vậy mà thiếu lòng từ bi hay đi ngược lại tinh thần cứu khổ của đạo Phật.

Thứ ba, không lấy mục đích nhân đạo để thay thế việc thẩm định độc lập về y khoa, pháp luật và quyền trẻ em. Những vấn đề liên quan tới thân thể, sự sống và quyền tự quyết cần được xem xét bằng các tiêu chuẩn chuyên môn và cơ chế bảo vệ phù hợp.

Điều đáng lo là khi tham gia vào các vấn đề xã hội, khi tiếng nói được sử dụng theo cách khiến công chúng khó phân biệt đâu là giáo lý, đâu là quan điểm cá nhân của chức sắc, đâu là lập luận chính sách và đâu là quy định pháp luật.

Một nền truyền thông Phật giáo có trách nhiệm cần giúp công chúng hiểu đúng vấn đề, nhận diện rõ các phạm vi lập luận và có đủ thông tin để hình thành chính kiến của mình.

Từ bi giúp con người biết quan tâm tới khổ đau. Trí tuệ giúp nhận diện đúng bản chất sự việc. Chính ngữ đòi hỏi sự thận trọng trong phát ngôn. Và tinh thần không gây hại nhắc nhở mỗi người phải cân nhắc những hệ quả có thể phát sinh từ lời nói và hành động.

Phật giáo không chỉ đóng góp tích cực cho đời sống xã hội mà còn bảo vệ được tính độc lập, sự trong sáng và giá trị bền vững của giáo pháp.

Tác giả: **Hữu Nguyễn**

Tài liệu tham khảo

Kinh điển:

1] MN 58 - Abhayarājakumāra Sutta: https://www.dhammatalks.org/suttas/MN/MN58.html

2] AN 5.198 - Vācā Sutta: https://suttacentral.net/an5.198/en/thanissaro

3] AN 6.63 - Nibbedhika Sutta: https://suttacentral.net/an6.63/en/bodhi

Nghiên cứu học thuật:

1] Sheravanichkul, Arthid (2008). "Self-Sacrifice of the Bodhisatta in the Paññāsa Jātaka." Religion Compass, 2(5), 769–787. DOI: https://doi.org/10.1111/j.1749-8171.2008.00095.x

Toàn văn: https://compass.onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1111/j.1749-8171.2008.00095.x

2] Unebe, Toshiya (2012). "Motive behind the Bodhisatta's Self-sacrifice in the Pannasa-Jataka: With Special Reference to Parallel Episodes in Chinese and Sanskrit Sources." Journal of Pali and Buddhist Studies, 26, 147–168. DOI: https://doi.org/10.20769/jpbs.26.0_147Toàn văn: https://www.jstage.jst.go.jp/article/jpbs/26/0/26_KJ00008548767/_article/-char/en

PDF trực tiếp: https://www.jstage.jst.go.jp/article/jpbs/26/0/26_KJ00008548767/_pdf

1] Appleton, Naomi (2016). "Jātaka." Oxford Research Encyclopedia of Religion. Oxford University Press. DOI: https://doi.org/10.1093/acrefore/9780199340378.013.182 https://academic.oup.com/edited-volume/62249/chapter/551357382

2] Appleton, Naomi (2023). "Self-Sacrifice for a Tiny Teaching: Hearing and Knowing in the 'Verse of Dharma' Jātaka Stories." Journal of the International Association of Buddhist Studies, 46, 47–80. DOI: https://doi.org/10.2143/JIABS.46.0.3293159

https://poj.peeters-leuven.be/content.php?download=yes&id=3293159&url=article

3] Yoon, Jong-Gap (2008). “Life, Death and Bioethics of the Buddhism: Centering on Bodily Sacrifice and Right of Self-Determination.” Philosophia, 105, 27–47. UCI: G704-000640.2008.105..010 https://www.kci.go.kr/kciportal/ci/sereArticleSearch/ciSereArtiView.kci?sereArticleSea